

Số: 28/2020/QBS-CBTT

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP. HCM**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Quảng Bình
- Mã chứng khoán: QBS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại: (0225) 626.3333
- Fax: (0225) 3533.679
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Ngọc Ninh

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2020

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:

<https://quangbinhjsc.com.vn/news/435-bao-cao-tai-chinh-quy-iii-nam-2020>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2020 kèm công văn giải trình



PHẠM THỊ NGỌC NINH



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06-07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08-09
THUYẾT MINH	10-32

N:02
CỔ
CỔ
IẤY N
QUẢN
QUẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Lâm	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/04/2020
Ông Hoàng Xuân Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/04/2020

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

0730
NG TY
PHÂN
IẬP KH
BÌNH
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		650,340,268,489	764,652,650,386
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4,557,481,673	20,650,449,942
1. Tiền	111		4,557,481,673	20,650,449,942
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	10,000,000,000	10,000,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10,000,000,000	10,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		568,165,851,740	722,670,157,964
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	211,089,336,221	467,694,111,170
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	362,912,281,267	262,774,919,259
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	2,087,915,252	4,565,034,972
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7,923,681,000)	(12,363,907,437)
IV. Hàng tồn kho	140	11	65,814,567,280	9,812,964,256
1. Hàng tồn kho	141		65,814,567,280	9,812,964,256
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,802,367,796	1,519,078,224
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	63,833,898
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,702,367,796	1,455,244,326
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	100,000,000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		588,946,291,598	743,793,604,271
I. Tài sản cố định	220		98,463,994,025	98,144,568,330
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	16,062,344,025	15,742,918,330
- Nguyên giá	222		22,976,814,495	21,684,996,313
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6,914,470,470)	(5,942,077,983)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	82,401,650,000	82,401,650,000
- Nguyên giá	228		82,401,650,000	82,401,650,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,059,512,182	1,059,512,182
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,059,512,182	1,059,512,182
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	489,327,741,107	644,456,781,888
1. Đầu tư vào công ty con	251		442,800,000,000	442,800,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		105,881,626,363	105,881,626,363
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	233,503,969,597
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(59,353,885,256)	(137,728,814,072)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		95,044,284	132,741,871
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		95,044,284	132,741,871
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1,239,286,560,087	1,508,446,254,657

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2020	01/01/2020
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		579,279,630,200	820,002,392,972
I. Nợ ngắn hạn	310		447,219,463,609	687,942,226,381
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	81,272,452,506	121,727,285,365
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	87,164,321,527	282,732,269,242
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	34,751,396	4,544,389,058
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	61,505,964,045	34,639,058,602
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	209,465,749,998	236,522,999,977
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7,776,224,137	7,776,224,137
II. Nợ dài hạn	330		132,060,166,591	132,060,166,591
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	132,060,166,591	132,060,166,591
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		660,006,929,887	688,443,861,685
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	660,006,929,887	688,443,861,685
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693,299,280,000	693,299,280,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693,299,280,000	693,299,280,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3,249,100,000)	(3,249,100,000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15,692,449,297	15,692,449,297
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(45,735,699,410)	(17,298,767,612)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(17,298,767,612)	157,023,924,476
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(28,436,931,798)	(174,322,692,088)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1,239,286,560,087	1,508,446,254,657


Trần Xuân Đạt
Người lập


Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

MÃ SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020		Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019	
			VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	120,212,003,971	830,219,858,880	159,241,957,456	940,481,187,044
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		120,212,003,971	830,219,858,880	159,241,957,456	940,481,187,044
4. Giá vốn hàng bán	11	22	120,204,823,399	826,322,630,474	159,049,869,156	933,237,278,220
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7,180,572	3,897,228,406	192,088,300	7,243,908,824
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	701,474,671	1,905,278,037	671,564,234	10,003,892,733
7. Chi phí tài chính	22	24	16,362,916,605	34,566,589,491	53,213,654,702	121,125,851,075
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10,221,694,501	31,665,952,564	1,197,314,477	1,197,314,477
8. Chi phí bán hàng	25		26,735,598	80,206,794	1,549,587,719	1,637,462,355
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	227,650,592	2,601,435,222	1,798,817,608	4,069,720,948
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(15,908,647,552)	(31,445,725,064)	(55,698,407,495)	(109,585,232,821)
11. Thu nhập khác	31		-	3,470,256,091	1,641,620,014	1,675,013,709
12. Chi phí khác	32		-	461,462,825	8,000,000	1,151,501,047
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	3,008,793,266	1,633,620,014	523,512,662

3-T
6
NH
NG
320
:OM
OP

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	(15,908,647,552)	(28,436,931,798)	(54,064,787,481)	(109,061,720,159)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	(15,908,647,552)	(28,436,931,798)	(54,064,787,481)	(109,061,720,159)

Trần Xuân Đạt
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/09/2020	đến 30/09/2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(28,436,931,798)	(109,061,720,159)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		972,392,487	6,880,889,099
- Các khoản dự phòng	03		(82,815,155,253)	79,444,378,952
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		80,043,867,757	7,629,701,812
- Chi phí lãi vay	06		31,665,952,564	24,214,944,595
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1,430,125,757	9,108,194,299
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		159,200,368,095	(181,765,657,882)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(56,001,603,024)	4,902,674,695
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(115,667,201,851)	214,509,533,180
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		101,531,485	4,918,241,656
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,107,365,984)	(24,214,944,595)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3,365,027,722)	(2,810,029,455)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15,409,173,244)	24,648,011,898
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,291,818,182)	(19,859,239,072)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	4,155,982,640
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(630,000,000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(13,920,000,000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		27,638,936,700	188,100,000,000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26,336,436	2,622,623,276
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		26,373,454,954	160,469,366,844
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	10,228,999,886
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(27,057,249,979)	(212,963,623,325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(27,057,249,979)	(202,734,623,439)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/09/2020	đến 30/09/2019
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(16,092,968,269)	(17,617,244,697)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20,650,449,942	23,649,265,677
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>4,557,481,673</u>	<u>6,032,020,980</u>

Trần Xuân Đạt
Người lậpBùi Thị Ngọc
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 27 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2020 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón DAP và các sản phẩm hóa chất phục vụ cho sản xuất phân bón trong nước. Đồng thời, Công ty cung cấp các dịch vụ về kho bãi ngoại quan và các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty tại Quảng Bình	Quảng Bình	Thương mại và dịch vụ

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

4.020
CỔ
CỔ
ẤT NH
QUẢN
HANG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	2,429,648,890	3,165,780,099
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2,127,832,783	17,484,669,843
	<u>4,557,481,673</u>	<u>20,650,449,942</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020**THUYẾT MINH****MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	10,000,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	10,000,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000
	10,000,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	442,800,000,000		442,800,000,000	(20,162,810,862)
Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	432,000,000,000		432,000,000,000	(10,529,985,283)
Công ty Cổ phần Transworld QBV	10,800,000,000		10,800,000,000	(9,632,825,579)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	105,881,626,363		105,881,626,363	(20,369,926,363)
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	105,881,626,363		105,881,626,363	(20,369,926,363)
Đầu tư vào đơn vị khác	-		233,503,969,597	(97,196,076,847)
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	-		233,503,969,597	(97,196,076,847)
	548,681,626,363		782,185,595,960	(137,728,814,072)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/09/2020 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	Hải Phòng Hải Phòng	98.63% 54.00%	98.63% 54.00%	Dịch vụ cảng và logistic Dịch vụ cảng và logistic
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/09/2020 như sau:				
Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính

Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất

36.29%
36.29%

Hà Nội

Kinh doanh thương mại các sản phẩm phân
bón và hóa chất sản xuất phân bón

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: xem chi tiết tại Thuyết minh số 29.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/09/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thụy	78,391,789,981	77,829,055,817
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Bình Phú	13,045,714,588	47,575,714,588
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	88,886,222,094	134,055,015,854
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	8,978,020,716	189,990,588,216
Các khoản phải thu khách hàng khác	21,787,588,842	18,243,736,695
	<u><u>211,089,336,221</u></u>	<u><u>467,694,111,170</u></u>

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/09/2020</u>		<u>01/01/2020</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	42,111,082,995	-	483,472,047	-
Công ty TNHH Đầu tư và TMDV Việt Đức	111,277,050,000	-	-	-
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu EAG	-	-	153,000,000,000	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phân bón Lào Cai	56,138,320,000	-	90,172,060,000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	135,000,000,000	-	-	-
Trả trước khác	18,385,828,272	(3,126,078,138)	19,119,387,212	(3,126,078,138)
	<u><u>362,912,281,267</u></u>	<u><u>(3,126,078,138)</u></u>	<u><u>262,774,919,259</u></u>	<u><u>(3,126,078,138)</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	963,698,630	-	460,739,726	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	29,815,600	-
Ký cược, ký quỹ	975,000,000	-	3,911,103,000	-
Phải thu khác	149,216,622	-	163,376,646	-
	2,087,915,252	-	4,565,034,972	-

10 . NỢ XẤU

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Công ty Cổ phần DAP2-Vinachem</i>	2,977,628,162	1,488,814,081	11,580,396,278	5,968,630,760
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm</i>	4,465,825,912	1,339,747,774	4,465,825,912	1,339,747,774
<i>Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Spotlight</i>	2,863,598,538	-	2,863,598,538	-
<i>Đối tượng khác</i>	553,837,917	108,647,674	1,007,087,917	244,622,674
	10,860,890,529	2,937,209,529	19,916,908,645	7,553,001,208

11 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	1,890,000	-
Công cụ, dụng cụ	652,087,280	-	-	-
Hàng hoá	65,162,480,000	-	9,811,074,256	-
	65,814,567,280	-	9,812,964,256	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2020	11,328,889,536	397,272,773	9,127,713,180	831,120,824	-	21,684,996,313
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1,291,818,182	-	-	-	-	1,291,818,182
Tại ngày 30/09/2020	12,620,707,718	397,272,773	9,127,713,180	831,120,824	-	22,976,814,495
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2020	2,294,089,942	397,272,773	2,636,955,627	613,759,641	-	5,942,077,983
Trích khấu hao	231,123,168	-	684,578,484	56,690,835	-	972,392,487
Tại ngày 30/09/2020	2,525,213,110	397,272,773	3,321,534,111	670,450,476	-	6,914,470,470
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2020	9,034,799,594	-	6,490,757,553	217,361,183	-	15,742,918,330
Tại ngày 30/09/2020	10,095,494,608	-	5,806,179,069	160,670,348	-	16,062,344,025

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất
	VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2020	82,401,650,000
Tại ngày 30/09/2020	82,401,650,000
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2020	82,401,650,000
Tại ngày 30/09/2020	82,401,650,000

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương	-	-	92,668,333,224	92,668,333,224
Fagro International Trading Fze	9,656,070,333	9,656,070,333	9,635,322,438	9,635,322,438
Công ty Cổ phần Ecoparadise Việt Nam	21,260,000,000	21,260,000,000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Trần Anh	36,400,000,000	36,400,000,000	-	-
Các khoản phải trả khác	13,956,382,173	13,956,382,173	19,423,629,703	19,423,629,703
	81,272,452,506	81,272,452,506	121,727,285,365	121,727,285,365

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ông Bùi Tố Minh (Tiền đặt cọc mua cổ phần Vinachimex) (*)	85,511,700,000	85,511,700,000
Công ty CP Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More	-	94,000,000,000
Tổng Công ty Thiết bị Điện Việt Nam	-	100,000,000,000
Các khoản người mua ứng tiền trước khác	1,652,621,527	3,220,569,242
	87,164,321,527	282,732,269,242

(*) Theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần số 03-2017/HĐ-ĐC ngày 14/12/2017 giữa Công ty và cá nhân ông Bùi Tố Minh, Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình sẽ chuyển nhượng 2.794.500 cổ phần tại Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất cho cá nhân Ông Bùi Tố Minh sau khi hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng. Số tiền nhận đặt cọc là toàn bộ giá trị giao dịch mua bán giữa 2 bên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/09/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	25,533,824	33,374,824
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hải Phòng	20,693,424,655	9,207,945,205
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Thủ đô	17,956,028,773	12,275,047,945
Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	22,787,707,793	9,395,581,491
Phải trả lãi đặt cọc mua cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	2,498,630,137
Các khoản phải trả, phải nộp khác	43,269,000	1,228,479,000
	<u><u>61,505,964,045</u></u>	<u><u>34,639,058,602</u></u>

N:02
CỔ
CỔ
ẤT N
UÁN
4NG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2020		30/09/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
a)				
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn				
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>198,800,000,000</i>	<i>198,800,000,000</i>	-	<i>25,630,000,000</i>
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	78,800,000,000	78,800,000,000	-	25,630,000,000
- Chi nhánh Thủ Đức ⁽¹⁾			-	
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	120,000,000,000	120,000,000,000	-	120,000,000,000
- CN Bắc Hải Phòng ⁽²⁾			-	
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>37,722,999,977</i>	<i>37,722,999,977</i>	-	<i>1,427,249,979</i>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	35,820,000,000	35,820,000,000	-	35,820,000,000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng	1,902,999,977	1,902,999,977	-	1,427,249,979
	236,522,999,977	236,522,999,977	-	27,057,249,979
b)				
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽³⁾	161,360,000,000	161,360,000,000	-	161,360,000,000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng ⁽⁴⁾	8,423,166,568	8,423,166,568	-	1,427,249,979
	169,783,166,568	169,783,166,568	-	1,427,249,979
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	37,722,999,977	37,722,999,977		36,295,749,998
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	132,060,166,591	132,060,166,591		132,060,166,591

26
TP. H
PH
ÁP
B
073

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBảo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020**THUYẾT MINH****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

STT	Ngân hàng/Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Ước nợ tại 30/09/2020	Phương thức đảm bảo tiền vay
						VND	VND
1	<ul style="list-style-type: none"> • Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức - Hợp đồng tín dụng số 1483-LAV- 400,000,000,000 201700011 ngày 06/01/2017; Vấn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 1483-LAV- 201700011 ngày 13/02/2019 	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh	Hợp đồng có hiệu lực đến hết 31/12/2017	Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng lần nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay	53,170,000,000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản	
2	<ul style="list-style-type: none"> • Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng - Hợp đồng tín dụng số 2111- 120,000,000,000 LAV201700161/HỆTD ngày 18/04/2017; PLHĐ 01/PLHỆTD ngày 13/04/2019 	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh	Hợp đồng có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký	Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng lần nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay	120,000,000,000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản	
						173,170,000,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBảo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020**THUYẾT MINH***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

STT	Ngân hàng/Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ tại 30/09/2020	Phương thức đảm bảo tiền vay
						VND	VND
3.	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng						
-	Hợp đồng tín dụng số 01/2016- HĐTDDA/NHCT160-QBS-ICD ngày 18/01/2015	231,495,000,000	Thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Trung tâm kho bãi tổng hợp Quảng Bình - Đình Vũ	Thời gian vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất cho vay của khoản nợ được quy định theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng/lần;	161,360,000,000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
4.	Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) - Chi nhánh Hải Phòng						
-	Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HDTDT/THU/01 ngày 13/02/2019	2,009,000,000	Thanh toán tiền mua xe ô tô Mercedes-Benz S450 và Phí bảo hiểm an tâm tính dụng	Thời gian vay là 60 tháng đối với khoản vay ô tô và 36 tháng đối với khoản vay thanh toán phí bảo hiểm an tâm tính dụng.	Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay;	1,377,959,947	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HDTDT/THU/02 ngày 09/05/2019	7,499,999,886	Thanh toán tiền mua xe nâng Container Kalmar 15LA - 1570	Thời gian vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay;	5,617,956,642	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay
						168,355,916,589	
						36,295,749,998	
						132,060,166,591	

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019					
Tại ngày 01/01/2019	693,299,280,000	(3,249,100,000)	9,761,921,400	165,919,716,313	865,731,817,713
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	(109,061,720,159)	(109,061,720,159)
Phân phối lợi nhuận	-	-	5,930,527,897	(8,895,791,837)	(2,965,263,940)
Tại ngày 30/09/2019	693,299,280,000	(3,249,100,000)	15,692,449,297	47,962,204,317	753,704,833,614
Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020					
Tại ngày 01/01/2020	693,299,280,000	(3,249,100,000)	15,692,449,297	(17,298,767,612)	688,443,861,685
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	(28,436,931,798)	(28,436,931,798)
Tại ngày 30/09/2020	693,299,280,000	(3,249,100,000)	15,692,449,297	(45,735,699,410)	660,006,929,887

29
 XUẤT
 QU
 NG BÀN
 D. N. O
 C C

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/09/2020 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2020 VND
Ông Nguyễn Thanh Bình	7.21%	50,000,000,000	7.21%	50,000,000,000
Bà Nguyễn Thị Hương	13.27%	92,005,790,000	13.27%	92,005,790,000
Các cổ đông khác	79.52%	551,293,490,000	79.52%	551,293,490,000
	100%	693,299,280,000	100%	693,299,280,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693,299,280,000	693,299,280,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	693,299,280,000	693,299,280,000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	693,299,280,000	693,299,280,000

d) Cổ phiếu

	30/09/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69,329,928	69,329,928
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	69,329,928	69,329,928
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69,329,928	69,329,928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69,329,928	69,329,928
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69,329,928	69,329,928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	15,692,449,297	15,692,449,297
	15,692,449,297	15,692,449,297

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Ngoại tệ các loại**

	30/09/2020	01/01/2020
Đồng đô la Mỹ (USD)	6,580.45	23,726.93

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Thuận Đạt	3,466,214,350	3,466,214,350

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***20 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	119,224,872,141	156,919,719,756
Doanh thu cung cấp dịch vụ	987,131,830	2,322,237,700
	120,212,003,971	159,241,957,456

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	118,786,908,291	155,954,345,251
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1,417,915,108	3,095,523,905
	120,204,823,399	159,049,869,156

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	172,267,737	164,105,252
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	493,390,342
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	529,206,934	14,068,640
	701,474,671	671,564,234

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	10,221,694,501	1,197,314,477
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	9,900,000,000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	6,742,849	742,689,520
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	667,650,102
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	6,134,479,255	40,706,000,603
	16,362,916,605	53,213,654,702

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020	Từ 01/07/2019 đến 30/09/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	19,869,961	52,998,997
Chi phí nhân công	1,274,864,201	1,903,100,583
Chi phí khấu hao tài sản cố định	288,941,441	288,941,436
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(1,987,400,000)	(3,849,304,830)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	292,794,938	477,735,328
Chi phí khác bằng tiền	338,580,051	2,925,346,094
	227,650,592	1,798,817,608

Trần Xuân Đạt
Người lập**Bùi Thị Ngọc**
Kế toán trưởng**Nguyễn Thị Thanh Hương**
Chủ tịch HĐQT*Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2020*

Hải Phòng, ngày 29 tháng 10 năm 2020

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam

- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.
- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC quý III/2020 như sau:

Theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2020 đến ngày 30/09/2020 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, tổng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQ HĐKD của Công ty lỗ 15,908 tỷ đồng, giảm 38,156 tỷ đồng so với quý III/2019. Nguyên nhân được xác định cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu Quý III/2020 của Công ty đạt 120,21 tỷ đồng, giảm 39,03 tỷ đồng tương ứng giảm 24,51% so với quý III/2019. Doanh thu hoạt động tài chính TĂNG 29,9 tỷ đồng so với quý III/2019. Thu nhập khác giảm 1.641 tỷ đồng so với quý III/2019.
- Tổng giá vốn hàng bán giảm 38,84 tỷ đồng, tương ứng giảm 24,42% so với Quý III/2019. Chi phí tài chính giảm 36,851 tỷ đồng tương ứng giảm 69,25% so với quý III/2019 do trong quý III/2020 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty CP cạnh cận Quảng Bình - Đình Vũ, Cty CP Transworld QBV ICD và các khoản lãi vay ngắn hạn. Chi phí khác giảm 8 tr so với quý III/2019. Lợi nhuận khác giảm 1,633 tỷ đồng.
- Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên Tổng lợi nhuận sau thuế quý II/2020 tăng 38,156 tỷ đồng so với quý III/2019.



Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính giải trình lên HOSE và UBCKNN về sự biến động của lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả kinh doanh quý III2020 của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Thị Thanh Hương

